TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **89**/2023/DS-PT Ngày 16 – 02 – 2023. V/v: "*Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Duy Phương.

2. Ông Hoàng Kim Khánh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2022/TLPT-DS về việc "Tranh chấp tài sản chung và yêu cầu chia di sản thừa kế", do Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2022/DSST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 346/2022/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2023/QĐ-PT ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H; sinh năm 1955; địa chỉ: Số 03 HT, phường TT, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: 164 PCT, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Đinh Công T; sinh năm 1975; địa chỉ: Số 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc T1; địa chỉ: 152 TB, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bà Đinh Thị Hồng H1; sinh năm 1973; địa chỉ: Số 63/17 THĐ, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3. Bà Đinh Thị Hồng D; sinh năm 1982; địa chỉ: Số 67 TS, phường TH, thành phố BT, Đắk Lắk. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị N; địa chỉ: Số 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk

Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc T1; địa chỉ: 152 TB, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng bà Lê Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông Đinh Công T2 và bà Lê Thị H sống chung và kết hôn với nhau vào ngày 23/7/1997 tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk. Trước khi kết hôn với bà H thì ông T2 kết hôn với bà T3 và có 03 người con là: Đinh Thị Hồng H1, Đinh Thị Hồng D và Đinh Công T. Khi ông T2 kết hôn với bà H không có con chung.

Trước khi kết hôn với bà H thì ông T2 quản lý, sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 được UBND thành phố BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) đất số AC 424485 ngày 27/6/2005 đứng tên Hộ ông Đinh Công T2; tài sản tọa lạc tại: Số 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk và Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được UBND thành phố BT cấp GCNQSD đất số AC 424081 ngày 18/5/2005 đứng tên Hộ ông Đinh Công T2; tài sản tọa lạc tại: Số 01 ĐT, phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

Nguồn gốc hai thửa đất do Ngân hàng X cấp cho bà Đinh Thị T3 vào năm 1988. Tuy nhiên, sau khi bà T3 chết vẫn chưa được nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi kết hôn với ông T2 thì bà H chuyển về sinh sống cùng ông T2 và các con của ông T2 tại nhà số 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT. Mặc dù bà H và ông T2 không có con chung nhưng bà H đã nuôi dưỡng các con riêng của ông T2 ăn học, xin việc và lập gia đình riêng cho các con. Ngoài ra bà H cũng có công đóng góp sửa sang lại căn nhà 133 MHĐ để ở, đến năm 2017 ông T đập phá một phần diện tích căn nhà này để xây lại căn nhà mới của vợ chồng ông T đang ở như hiện nay. Khi vợ chồng ông T xây nhà thì bà H đã đóng góp 200.000.000 đồng để xây dựng căn nhà này. Ngoài ra bà H và ông T2 cùng nhau xây dựng dãy phòng trọ trên thửa đất tại số 01 ĐT, phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

Năm 2005 ông T2 đại diện hộ gia đình đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất nêu trên đứng tên hộ gia đình bao gồm cả bà Lê Thị H. Như vậy ½ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 được UBND thành phố BT cấp GCNQSD đất số AC 424485 ngày 27/6/2005 và ½ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được UBND thành phố BT cấp GCNQSD đất số AC 424081 ngày 18/5/2005 là tài sản chung của bà H và ông T2.

Ngày 18/7/2014, ông T2 chết có để lại di chúc do ông T2 lập ngày 05/4/2009, cụ thể phân chia: Ông Đinh Công T được quyền sở hữu ½ thửa đất 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 76,8m^2 cùng căn nhà 133 MHĐ đang ở; bà Lê Thị H được quyền sử dụng ½ căn nhà số 133 MHĐ đang ở. Khi không có nhu cầu hoặc qua đời thì giao lại cho con trai là Đinh Công T hoặc người thừa kế tiếp theo để làm nơi thợ tự ông bà, cha mẹ, tuyệt nhiên không được dùng phần tài sản này sang nhượng, cầm cố hoặc bán ra ngoài; bà Đinh Thị Hồng D và Bà Đinh Thị Hồng H1 được quyền đồng

sỡ hữu căn nhà số 01 ĐT (tại thửa đất số 92, tờ bản đồ 02). Như vậy di chúc của ông T2 lập không hợp pháp bởi lẽ: Thủ tục lập di chúc không đúng quy định của pháp luật: Ông T2 lập di chúc ngày 05/4/2009 nhưng đến ngày 09/4/2009 mới chứng thực nên không đảm bảo về hình thức. Về nội dung: Ông T2 lập di chúc đã định đoạt luôn cả phần tài sản của bà Lê Thị H và người thừa kế khác.

Khi ông T2 chết cho đến nay bà H cùng các con của ông T2 chưa thực hiện chia di sản thừa kế, bà H sống chung cùng ông T có xảy ra nhiều mâu thuẫn nên buộc bà H phải đến ở nhờ nhà em gái. Nay bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Phân chia tài sản chung của bà H, ông T2 như sau:

Theo kết định giá tài sản của Tòa án thì xác định Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 tại: Số 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk có giá 5.500.000.000 đồng. Như vậy, tài sản chung của bà H và ông T2 là 2.750.000.000đồng.

Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 tại: Số 01 ĐT, phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk có giá 1.583.058.192 đồng. Như vậy tài sản chung của bà H và ông T2 là 791.529.096 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của bà H và ông T2 là 3.541.529.096 đồng, bà H được chia ½ giá trị là 1.770.764.548đồng.

- Chia di sản thừa kế của ông Đinh Công T2 theo quy định của pháp luật như sau:

Bà H được hưởng ¼ tổng giá trị di sản thừa kế của ông T2 tương đương số tiền bà H được chia là 442.691.137 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản bà H được chia là 2.213.455.685 đồng. Bà H xin được nhận tài sản là nhà đất tại 133 MHĐ hoặc nhà đất tại 01 ĐT để làm nơi ở và sinh sống vì hiện nay bà H không có nơi ở.

Về GCNQSDĐ số AC 424485 cấp ngày 27/6/2005 và GCNQSDĐ số AC 424081 cấp ngày 18/5/2005 cho Hộ ông Đinh Công T2 thì hiện nay bà H đang giữ bản chính. Khi Tòa án giải quyết xong phân chia di sản thừa kế thì bà Lê Thị H sẽ giao GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với tài sản là thửa đất số 140A, tờ bản đồ số 23, diện tích 102,5m^2 được UBND thành phố BT cấp GCNQSD đất số H 00691 ngày 25/5/2007 đứng tên hộ bà Lê Thị H; tài sản tọa lạc tại: phường TT, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình giải quyết phía bị đơn xác định đây không phải là tài sản chung của ông T2 và bà H nên bà H không yêu cầu chia. Và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản này.

2. Bị đơn ông Đinh Công T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Hoàng Ngọc T1 trình bày:

Bố mẹ của ông Đinh Công T2 là Đinh Văn G và bà Nguyễn Thị S; bố mẹ bà Đinh Thị T3 là ông Đinh Như B và bà Đinh Thị C; các ông bà trên đều đã chết từ lâu. Bố mẹ của ông Đinh công T là bà Đinh Thị T3 và ông Đinh Công T2, trong quá trình chung sống sinh được ba người con là Đinh Công T, Đinh Thị Hồng D và Đinh Thị Hồng H1. Quá trình chung sống bố mẹ ông T có tài sản chung là thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 được UBND thành phố BT cấp GCNQSD đất số AC 424485 ngày 27/6/2005, tại địa chỉ: Số 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được UBND thành

phố BT cấp GCNQSD đất số AC 424081 ngày 18/5/2005, tại địa chỉ: Số 01 ĐT, phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk đều đứng tên Hộ ông Đinh Công T2. Nguồn gốc hai thửa đất vào năm 1988 Ngân hàng X Đắk Lắk cấp cho mẹ ông T là bà Đinh Thị T3. Khi bố mẹ ông T còn sống cùng nhau xây dựng một căn nhà xây cấp 4 phía trước còn phía sau là làm chuồng heo, nhà bếp bằng tôn thùng phi và cả nhà cùng sinh sống trên thửa đất tại địa chỉ: Số 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT.

Năm 1995 bà T3 chết không để lại di chúc đến năm 1997 ông T2 kết hôn với bà H và cùng về chung sống với gia đình ông T tại 133 MHĐ, thành phố BT. Năm 2000 bà H1 lấy chồng, không ở cùng gia đình và đến năm 2002 ông T lập gia đình với bà N cùng nhau về chung sống tại 133 MHĐ; đến năm 2011 bà D lập gia đình và chuyển đi nơi khác ở.

Ngày 18/7/2014 ông T2 chết có để lại di chúc lập ngày 05/4/2009, cụ thể phân chia: Ông Đinh Công T được quyền sở hữu ½ thửa đất 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 76,8m^2 cùng căn nhà 133A MHĐ đang ở; bà Lê Thị H được quyền sử dụng cùng căn nhà số 133 MHĐ đang ở. Khi không có nhu cầu hoặc qua đời thì giao lại cho con trai là Đinh Công T hoặc người thừa kế tiếp theo để làm nơi thợ tự ông bà, cha mẹ, tuyệt nhiên không được dùng phần tài sản này sang nhượng, cầm cố hoặc bán ra ngoài. Bà Đinh Thị Hồng D và Bà Đinh Thị Hồng H1 được quyền đồng sở hữu căn nhà số 01 ĐT (thửa đất số 92, tờ bản đồ 02). Như vậy di chúc lập là hợp pháp, ông T2 lập di chúc minh mẫn, thực hiện di nguyện của bà Đinh Thị T3 và quyền thừa kế theo pháp luật của ông Đinh Công T2 (theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005) tiến hành lập di chúc có chứng thực tại UBND phường TH theo thủ tục chứng thực (theo khoản 1 Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005).

Khi bà H về sống chung không sửa sang gì mà vẫn để nhà cũ của bố mẹ để lại để ở, đến năm 2017 vợ chồng ông T phá phần phía sau căn nhà, xây dựng lại căn nhà mới để ở, số tiền xây dựng nhà là của vợ chồng ông T bỏ ra. Còn mặt trước căn nhà phần ông T để bán hàng thì nhà vẫn giữ nguyên như trước của bố mẹ ông T để lại, còn phần nhà bà H ở thì vẫn nhà cũ trước đây nhưng bà H có sửa sang lại thì phần này bà H được hưởng. Còn việc bà H nói có cho vợ chồng ông T số tiền 200.000.000 đồng để xây lại căn nhà nhưng đến nay vẫn chưa cho vợ chồng ông T số tiền trên chứ không phải bà H góp tiền vào xây. Đối với căn nhà này do ông T và bà N xây dựng trong thời kì hôn nhân của ông T và bà N nên không yêu cầu xử lý phân chia.

Việc bà Lê Thị H cho rằng 02 thửa đất trên cấp hộ gia đình có cả tên bà Lê Thị H là không có căn cứ pháp luật, vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội. Đây là tài sản của ông Đinh Công T2 tạo lập cùng với vợ cũ là bà Đinh Thị T3, bà Lê Thị H không có đóng góp gì đối với các tài sản này. Hơn nữa, trước khi chết ông Đinh Công T2 đã có di chúc định đoạt đối với các tài sản này. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H thì ông Đinh Công T đề nghị Tòa án giải quyết như sau: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Chấp nhận đơn khởi kiện phản tố của ông Đinh Công T yêu cầu Tòa án công nhận và giữ nguyên giá trị pháp lý di chúc do ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009.

Buộc bà Lê Thị H giao GCNQSDĐ số AC 424485 cấp ngày 27/6/2005 và

GCNQSDĐ số AC 424081 cấp ngày 18/5/2005 cho ông Đinh Công T.

Kiến nghị UBND thành phố BT thu hồi các GCNQSD đất nêu trên và cấp đổi GCNQSDĐ theo di chúc do ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009.

Đối với tài sản là thửa đất số 140A tờ bản đồ số 23 diện tích 102,5 m^2 được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ bà Lê Thị H thì hiện nay ông T không yêu cầu chia đối với tài sản này.

3. Bà Đinh Thị Hồng D trình bày tại bản tự khai ngày 22/01/2021 và Đơn trình bày ngày 20/9/2022:

Bố mẹ tôi là ông Đinh Công T2, bà Đinh Thị T3 sinh được 03 người con Đinh Thị Hồng H1, Đinh Thị Hồng D và Đinh Công T. Sau khi mẹ tôi chết thì đến năm 1997 bố tôi kết hôn với bà H và không có con chung. Bà H về chung sống với bố tôi hòa thuận, không có mâu thuẫn gì, bà H đối xử rất tốt với chúng tôi, nuôi dưỡng chúng tôi, tìm việc và lập gia đình cho chúng tôi. Bố tôi và bà H sống chung với gia đình anh Đinh Công Tậm tại 133 MHĐ, thành phố BT. Trước đó bố mẹ tôi được Ngân hàng X Đắk Lắk cấp cho thửa đất tại 01 ĐT, thành phố BT và thửa đất tại 133 MHĐ, thành phố BT. Tuy nhiên, khi mẹ tôi chết thì vẫn chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bố tôi kết hôn với bà H thì cùng nhau chung sống và sửa lại căn nhà tại 133 MHĐ để ở, đến năm 2017 anh T đã phá đi xây lại căn nhà mới của anh T như hiện nay. Ông T, bà H còn xây dựng một dãy trọ trên thửa đất tại 01 ĐT. Năm 2005 bố tôi đại diện cho cả gia đình đi kê khai, làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Đinh Công T2 đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2, được UBND thành phố BT cấp Giấy CNQSD đất số AC 424485 ngày 27/6/2005 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được UBND thành phố BT cấp GCNQSD đất số AC 424081 ngày 18/5/2005. Năm 2014 bố tôi chết, gia đình tôi chưa tiến hành phân chia di sản thừa kế, bà H vẫn ở trên căn nhà của thửa đất 133 MHĐ nhưng sau đó có phát sinh mâu thuẫn với anh T nên dọn ra ở nơi khác.

Đối với thửa đất số 140A, tờ bản đồ số 23, diện tích 102,5m^2 được UBND thành phố BT cấp GCNQSD đất số H 00691 ngày 25/5/2007, đứng tên Hộ bà Lê Thị H; tài sản tọa lạc tại: phường TT, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tài sản riêng của bà H có trước khi kết hôn với bố tôi, bố tôi không biết, không quản lý, sử dụng thửa đất trên nên tôi không yêu cầu chia đối với tài sản này. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H tôi có ý kiến như sau:

Sau khi kết hôn với bố tôi, bà H đã đóng góp công sức để duy trì khối tài sản chung của cả gia đình, chăm sóc nuôi dưỡng chúng tôi nên yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của bà H là hợp pháp, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với di chúc của bố tôi ngày 05/4/2009 không hợp pháp bởi bố tôi đã định đoạt cả phần tài sản của người khác có quyền lợi liên quan ghi trong di chúc nên tôi cũng đồng ý với ý kiến của bà H tuyên di chúc vô hiệu. Đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố tôi theo quy định. Tôi vẫn giữ nguyên ý kiến tặng cho bà Lê Thị H đối với phần di sản thừa kế mà tôi được nhận khi chia di sản thừa kế của ông Đinh Công T2.

Về việc phân chia di sản thừa kế của mẹ tôi là bà Đinh Thị T3: Trước đây Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử nhận định chưa giải quyết đối với phần di sản của bà T3 mà tạm giao cho ông T quản lý là chưa triệt để. Trường hợp Tòa án nhận thấy cần thiết phân chia di sản thừa kế của mẹ tôi thì tôi đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật. Tôi tặng cho bà Lê Thị H đối với phần di sản thừa kế mà tôi được nhận khi chia di sản thừa kế của bà Đinh Thị T3.

4. Bà Đinh Thị Hồng H1 trình bày tại bản tự khai ngày 22/01/202, đơn trình bày ngày 16/01/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm:

Bố mẹ tôi là ông Đinh Công T2 và bà Đinh Thị T3 sinh được 03 người con Đinh Thị Hồng H1, Đinh Thị Hồng D và Đinh Công T. Năm 1995 bà T3 chết không để lại di chúc đến năm 1997 ông T2 kết hôn với bà H và không có con chung. Bà H về chung sống với bố tôi hòa thuận, không có mâu thuẫn gì, bà H đối xử rất tốt với chúng tôi, nuôi dưỡng chúng tôi, tìm việc và lập gia đình cho chúng tôi. Bố tôi và bà H sống chung với anh Đinh Công T tại 133 MHĐ, thành phố BT. Trước đó bố mẹ tôi được Ngân hàng X Đắk Lắk cấp cho thửa đất tại 01 ĐT, thành phố BT và 133 MHĐ, thành phố BT. Tuy nhiên đến năm 1995 mẹ tôi chết thì vẫn chưa được nhà nước cấp GCNQSDĐ. Sau khi bố tôi kết hôn với bà H thì cùng nhau chung sống và sửa lại căn nhà tại 133 MHĐ, phần này ông T đã phá đi xây lại căn nhà mới của anh T như hiện nay và xây dựng một dãy trọ trên thửa đất tại 01 ĐT. Năm 2005 bố tôi đại diện cho cả gia đình đi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2, được UBND thành phố BT cấp Giấy CNQSD đất số AC 424485 ngày 27/6/2005 và Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được UBND thành phố BT cấp GCNQSD đất số AC 424081 ngày 18/5/2005.

Năm 2014 bố tôi chết, gia đình tôi chưa tiến hành phân chia di sản thừa kế, bà H vẫn ở trên căn nhà của thửa đất 133 MHĐ nhưng sau đó có phát sinh mâu thuẫn với anh T nên dọn ra ở nơi khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H và di chúc của bố tôi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Phần di sản thừa kế mà tôi được nhận khi chia di sản thừa kế của ông Đinh Công T2 và bà Đinh Thị T3, đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định; về toàn bộ di sản thừa kế mà tôi được nhận, trước đây tôi tặng cho bà Lê Thị H nhưng hiện nay tôi không tặng cho bà H nữa.

Đối với thửa đất số 140A, tờ bản đồ số 23, diện tích 102,5m^2 được UBND thành phố BT cấp GCNQSD đất số H 00691 ngày 25/5/2007; đứng tên Hộ bà Lê Thị H; tài sản tọa lạc tại: phường TT, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tài sản riêng của bà H nên không yêu cầu chia đối với tài sản này.

5. Ông Hoàng Ngọc T1 là đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị N trình bày:

Bà N hoàn toàn đồng ý với yêu cầu và ý kiến của ông Đinh Công T; bà N không thừa nhận việc bà H góp 200.000.000đồng vào việc xây nhà. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần đơn kiện phản tố của ông Đinh Công T, công nhận ½ di chúc do ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009 có hiệu lực pháp luật. Tuyên vô

hiệu ½ di chúc ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung giữa bà Lê Thị H với ông Đinh Công T2.

Xác định tài sản chung của ông Đinh Công T2 và bà Lê Thị H là căn nhà xây cấp 4 diện tích 91,8m^2 móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền láng xi măng, trần đóng nhựa, mái lợp tôn thiếc trên thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được UBND Tp. BT cấp Giấy CNQSD đất số AC 424081 ngày 18/5/2005 đều đứng tên hộ ông Đinh Công T2 trị giá 41.529.096 đồng và 10.000.000đồng tiền cải tạo, sửa chữa căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 được UBND thành phố BT cấp Giấy CNQSD đất số AC 424485 ngày 27/6/2005. Tổng giá trị tài sản chung là 51.529.096đồng. Chia đôi ông Đinh Công T2 và bà Lê Thị H mỗi người được hưởng giá trị là 25.764.548đồng.

Xác định tài sản chung của ông Đinh Công T2 và bà Đinh Thị T3 là thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 được UBND thành phố BT cấp Giấy CNQSD đất số AC 424485 ngày 27/6/2005 và căn nhà xây cấp 4 diện tích 46,13m^2 và Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được UBND Tp. BT cấp Giấy CNQSD đất số AC 424081 ngày 18/5/2005 đều đứng tên hộ ông Đinh Công T2. Tổng giá trị tài sản là 7.020.584.000 đồng. Chia đôi ông Đinh Công T2 và bà Đinh Thị T3 mỗi người được chia giá trị 3.510.292.000 đồng

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đinh Công T2.

Xác định tổng giá trị tài sản của bà Lê Thị H được chia là 251.598.932đồng

Xác định giá trị tài sản bà Đinh Thị Hồng H1 và bà Đinh Thị Hồng D mỗi người được phân chia là 1.478.407.386đồng.

Xác định giá trị tài sản ông Đinh Công T được chia 1.103.407.386đồng (không tính phần di sản của ông T2 đã chia theo di chúc có giá trị là 2.760.292.000đồng).

Chấp nhận bà Đinh Thị Hồng D tặng cho bà Lê Thị H toàn bộ phần di sản thừa kế của bà T3 và ông T2 mà bà D được chia với số tiền 1.478.407.386 đồng . Tổng giá trị tài sản của bà Lê Thị H được nhận là 1.730.006.318đồng.

Giao cho ông Đinh Công T quản lý, sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 được UBND Tp. BT cấp Giấy CNQSD đất số AC 424485 ngày 27/6/2005, trên đất có 01 nhà xây cấp 4 diện tích 46,13m^2 móng xây đá hộc, tường xây gạch nền 01 phần láng xi măng và 01 phần lát gạch ceramic, trần đóng nhựa, mái lợp tôn thiếc có sênô mặt đứng. Tổng giá trị tài sản ông T được nhận có giá trị 2.770.584.000đồng (không tính phần di sản của ông T2 đã chia theo di chúc có giá trị là 2.760.292.000đồng và 01 căn nhà 02 tầng do vợ chồng ông T xây dựng).Tứ cận: Phía Đông giáp thửa 67; Phía Tây giáp thửa 69; Phía Nam giáp thửa 92; Phía Bắc giáp đường MHĐ.

Giao cho bà H quản lý, sử dụng thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được UBND Tp. BT cấp Giấy CNQSD đất số AC 424081 ngày 18/5/2005, tại địa chỉ: Số 01 ĐT, phường TH, Tp. BT, tỉnh Đắk Lắk. Tài sản trên đất là 01 nhà xây cấp 4, diện tích 91,8m^2 móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền láng xi măng, trần đóng nhựa, mái lợp tôn thiếc. Tổng giá trị tài sản là 1.541.529.096đồng.Tứ cận: Phía Đông

giáp thửa 67; Phía Tây giáp đường ĐT; Phía Nam giáp đường hẻm; Phía Bắc giáp thửa 158.

Buộc ông Đinh Công T thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho cho bà Lê Thị H với số tiền 188.477.222đồng.

Buộc ông Đinh Công T thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho bà Đinh Thị Hồng H1 số tiền 1.477.782.000đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Đinh Công T: Buộc bà Lê Thị H giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 424485 thửa đất 68, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT cho ông Đinh Công T.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục biến động các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên mình.

5. Bác yêu một phần cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về yêu cầu chia tài sản chung với ông Đinh Công T2 và chi di sản thừa kế của ông Đinh Công T2 với số tiền trị giá là 1.961.856.753đồng.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản là thửa đất số 140A, tờ bản đồ số 23, diện tích 102,5m^2 được UBND Tp. BT cấp Giấy CNQSD đất số H 00691 ngày 25/5/2007; đứng tên Hộ bà Lê Thị H. Tài sản tọa lạc tại: phường TT, Tp. BT, tỉnh Đăk Lăk.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/9/2022, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị huỷ một phần bản án, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn; ngày 06/10/2022, nguyên đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo nhưng xác nhận lại chỉ yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận di chúc do ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009 có hiệu lực pháp luật.

Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Căn cứ nguồn gốc và Hồ sơ cấp GCNQSDĐ thì cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng thửa đất số 92 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại số 01 đường ĐT và quyền sử dụng thửa đất số 68 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại số 133 MHĐ là tài sản chung của ông Đinh Công T2, bà Đinh Thị T3 là có căn cứ.

- Đối với di chúc do ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009 và được UBND phường TH chứng thực, bà H có ký xác nhận là người làm chứng. Sau khi ông T2 chết, bản di chúc đã được công bố nên di chúc ông T2 lập là hợp pháp, cần công nhận. Do đó, kháng cáo của ông Đinh Công T có căn cứ chấp nhận một phần.

- Về án phí: Cấp sơ thẩm tính án phí đối với bà H1 là không quy định của pháp

luật nên cần tính lại.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận di chúc của ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn và ông Đinh Công T2. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định tài sản chung gồm: ½ quyền sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2, được UBND thành phố BT cấp GCNQSDĐ số AC 424485 ngày 27/6/2005 đứng tên Hộ ông Đinh Công T2; ½ quyền sử dụng thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2, được UBND thành phố BT cấp GCNQSDĐ số AC 424081 ngày 18/5/2005 đứng tên Hộ ông Đinh Công T2; căn nhà trọ xây trên thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02 và tiền công bỏ ra sửa chữa căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, với lý do cho rằng quyền sử dụng đất được cấp sau khi bà T3 chết, và cấp trong thời kỳ hôn nhân của ông T2, bà H nên phần tài sản của ông T2 trong khối tài sản chung của ông T2 với bà T3 là tài sản chung của bà H và ông T2; đồng thời yêu cầu huỷ 02 bản di chúc ông Đinh Công T2 đã lập ngày 05/4/2009 – được UBND phường TH chứng thực ngày 09/4/2005; chia di sản thừa kế ông Đinh Công T2 để lại.

Bị đơn ông Đinh Công T đề nghị công nhận giá trị pháp lý của bản di chúc ông Đinh Công T2 đã lập ngày 05/4/2009 – được UBND phường TH chứng thực ngày 09/4/2005 với lý do đây là tài sản riêng của bà Đinh Thị T3, việc ông Đinh Công T2 lập di chúc định đoạt đối với cả 02 thửa đất trên là thực hiện di nguyện của bà Đinh Thị T3, đồng thời yêu cầu bà H trả lại bản gốc 02 GCNQSDĐ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H, kháng cáo của bị đơn ông Đinh Công T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 (trị giá 5.500.000.000 đồng) và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 (trị giá 1.500.000.000 đồng).

Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố BT cung cấp, lời thừa nhận của các đương sự thể hiện: Ngày 29 tháng 10 năm 1983, bà Đinh Thị T3 có đơn xin cấp đất làm nhà ở cho gia đình, trong đơn xác định gồm chồng và 03 con nhỏ. Đến ngày 20/01/1988, Ngân hàng X Đắk Lắk quyết định cấp cho bà Đinh Thị T3 400m^2 đất để xây dựng nhà ở. Diện tích đất này đã được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Ngân hàng X Đắk Lắk với mục đích xây dựng nhà ở cho tập thể và gia đình cán bộ công nhân viên chức Ngân hàng. Khi ông T2 làm đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất trên, trong đơn chỉ đề nghị cấp cho ông Đinh Công T2, không đề nghị cấp đồng sử dụng cho bà H (BL 33-52, tập 1). Bà Lê Thị H không

cung cấp được bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào chứng minh ông T2 đã nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung. Điều này cũng được thể hiện trong di chúc do ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009 là ông T2 chỉ cho bà H quản lý, sử dụng ½ thửa đất số 68 và căn nhà trên đất, không được bán. Do đó, cấp sơ thẩm xác định hai thửa đất nêu trên là tài sản chung của bà Đinh Thị T3 và ông Đinh Công T2 là có căn cứ.

[3.2] Đối với tài sản tạo lập trên hai thửa đất:

[3.2.1] Tài sản trên thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, tại số 133 đường MHĐ, thành phố BT gồm có hai căn nhà:

- 01 căn nhà cấp 4 diện tích 46,13m^2 các đương sự đều thừa nhận do bà T3 và ông T2 xây dựng, sau khi bà H kết hôn với ông T2 và về sống chung thì ông T2 và bà H có sơn sửa lại một phần căn nhà để ở. Theo kết quả định giá tài sản xác định căn nhà có giá trị còn lại là 30.584.000 đồng. Cấp sơ thẩm xác định căn nhà cấp 4 trên thửa đất là tài sản chung của bà T3 và ông T2 và xác định công sức đóng góp, sửa chữa căn nhà của bà H và ông T2 là 10.000.000 đồng là phù hợp. Giá trị còn lại của căn nhà là 20.584.000 đồng là tài sản chung của ông T2, bà T3. Mỗi người được chia 10.292.000 đồng.

- Đối với 01 căn nhà hai tầng có tổng diện tích 283,5m^2: các đương sự đều thừa nhận do vợ chồng ông T, bà N xây dựng từ năm 2017. Bà H cho rằng lúc vợ chồng ông T xây nhà, bà H có góp 200.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông T, bà N không thừa nhận; lời khai của bà H về nội dung góp tiền xây nhà cũng không thống nhất, chỉ sau khi vụ án bị huỷ để giải quyết lại, người đại diện theo uỷ quyền của bà H mới khai nhận nội dung này. Còn tại phiên toà sơ thẩm lần 1 ngày 28/7/2020, nguyên đơn thừa nhận căn nhà này do vợ chồng ông T xây thêm vào năm 2017; tại bản tự khai ngày 14/01/2021 của đại diện nguyên đơn (BL 23, tập 2) và các lời khai trước đó của bà H cũng chỉ xác định bà H cùng ông T2 có xây nhà trọ trên thửa đất 92 và sửa lại căn nhà cấp 4 tại thửa đất 68. Trên thực tế, theo lời khai của người đại diện của bà H thì sau khi vợ chồng ông T xây nhà xong thì vợ chồng ông T ở tại căn nhà mới xây, còn bà H vẫn ở căn nhà cấp 4. Bà H không có chứng cứ gì chứng minh cho việc góp tiền xây ngôi nhà hai tầng nên cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà N là có căn cứ. Theo kết quả định giá tài sản xác định căn nhà có giá trị là 885.711.000đồng.

[3.2.2] Tài sản trên thửa đất 92, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại 01 ĐT, thành phố BT: Có 01 căn nhà xây cấp 4 tổng diện tích 91,8m^2 (diện tích nhà 75,48m^2 và mái che 16,32m^2), các bên đều thừa nhận do ông T2, bà H xây dựng trong thời kì hôn nhân nên xác định đây là tài sản chung của ông T2, bà H. Theo kết quả định giá tài sản xác định căn nhà có giá trị là 41.529.096 đồng. Mỗi người được chia 20.764.000 đồng (đã làm tròn).

[3.3]. Xét 02 bản di chúc của ông Đinh Công T2 lập cùng ngày 05/4/2009 được UBND phường TH chứng thực ngày 09/4/2009.

Nội dung di chúc thể hiện:

- Con trai: Đinh Công T được quyền sở hữu ½ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 76,8m^2 cùng căn nhà số 133 MHĐ đang ở.

- Bà Lê Thị H được quyền sử dụng ½ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích

76,8m^2 cùng căn nhà số 133 MHĐ đang ở. Khi không có nhu cầu hoặc qua đời thì giao lại cho con trai là Đinh Công T hoặc người thừa kế tiếp theo để dùng làm nơi thờ tự ông bà, cha mẹ. Tuyệt nhiên không được dùng tài sản này sang nhượng, cầm cố hoặc bán ra ngoài. (cả hai phần đất trên có chung sổ đỏ số AC 424485 do UBND Tp. BT cấp ngày 27/6/2005)

- Hai con gái là Đinh Thị Hồng H1 và Đinh Thị Hồng D được quyền đồng sở hữu căn nhà số 01 đường ĐT cùng Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được bán chia đôi hoặc chuyển nhượng cho nhau (được UBND Tp. BT cấp Giấy CNQSD đất số AC 424081 ngày 18/5/2005).

Nguyên đơn chỉ đề nghị huỷ bỏ một phần nội dung di chúc với lý do ông Đinh Công T2 đã định đoạt toàn bộ tài sản chung là trái quy định của pháp luật, nên cần xác định khi ông Đinh Công T2 lập di chúc này hoàn toàn minh mẫn, không bị ép buộc, thể hiện đúng ý chí của ông Đinh Công T2.

Mặc dù bà Lê Thị H có ký xác nhận làm chứng trong 01 bản di chúc, nhưng không có văn bản nào thể hiện bà H từ chối nhận di sản. Đến thời điểm bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện nên cần xem xét lại giá trị pháp lý của di chúc.

Như đã phân tích ở mục [3.1] và [3.2] thì thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 cùng căn nhà cấp 4 trên đất, và thửa đất 92, tờ bản đồ số 02 là tài sản chung của bà Đinh Thị T3 và ông Đinh Công T2 nên bà T3 và ông T2 mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản. Năm 1995, bà T3 chết không để lại di chúc nên cần xác định ½ khối tài sản này là di sản thừa kế của bà Đinh Thị T3, ông Đinh Công T2 không có quyền định đoạt toàn bộ tài sản nên di chúc do ông T2 lập bị vô hiệu một phần.

Khi ông Đinh Công T2 lập di chúc, chỉ cho bà H được sử dụng ½ nhà và đất tại địa chỉ 133 đường MHĐ để ở, không được định đoạt là đồng nghĩa với việc không cho bà H được hưởng di sản nên không phù hợp quy định tại Điều 669 Bộ luật dân sự 2005 (Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015 cũng quy định tương tự).

Khoản 1 Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Những người sau đây vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó:*

a) Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;"

Nên theo quy định của pháp luật thì bà H đương nhiên được hưởng phần di sản ông T2 để lại bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật. Sau khi trừ đi phần di sản mà bà H được hưởng, mới công nhận phần di sản mà ông T2 để lại cho các con.

Cấp sơ thẩm cho rằng đối với phần ông T2 định đoạt cho ông Đinh Công T được quyền sở hữu ½ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 76,8m^2 cùng căn nhà số 133 MHĐ đang ở và ½ thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 cùng căn nhà trên đất tại số 01 đường ĐT chia cho bà Đinh Thị Hồng H1 và Đinh Thị Hồng D được quyền đồng sở hữu có hiệu lực pháp luật là không đúng quy định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Lê Thị H. Do đó,

kháng cáo của nguyên đơn về nội dung này là có căn cứ chấp nhận một phần.

Đối với căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 68, tờ bản đồ 02 có diện tích 46,13m^2: Trong Di chúc, ông T2 có nguyện vọng dùng làm nơi thờ cúng, sau khi trừ đi số tiền bà H đã sơn sửa nhà là 5.000.000 đồng và phần di sản của bà T3 là 10.292.000 đồng, thì phần di sản của ông T2 là 15.292.000đồng, cần áp dụng Điều 645 Bộ luật dân sự, không chia thừa kế đối với phần di sản này của ông T2. Người được giao quản lý căn nhà cấp 4 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền 5.000.000 đồng sơn sửa nhà.

[4] Cấp sơ thẩm xác định phần di sản thừa kế của bà T3 được ông T2 định đoạt trong di chúc bị vô hiệu, đồng thời phân chia di sản của bà T3 trong cùng vụ án theo quy định của pháp luật là có cơ sở, bởi lẽ các đương sự đều có tranh chấp đối với khối tài sản này nên cần chia để giải quyết triệt để vụ án.

[5] Di sản thừa kế của bà Đinh Thị T3 và ông Đinh Công T2 được xác định cụ thể như sau:

[5.1] Tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 tọa lạc tại 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT:

Di sản thừa kế của bà Đinh Thị T3 là: 2.750.000.000 đồng (1/2 giá trị quyền sử dụng đất) + 10.292.000 đồng (1/2 giá trị ngôi nhà cấp 4) = 2.760.292.000đồng. Chia cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T3 là: Ông Đinh Công T2, bà Đinh Thị Hồng H1, ông Đinh Công T và bà Đinh Thị Hồng D mỗi người được hưởng 690.073.000 đồng.

Di sản thừa kế của ông Đinh Công T2 là: 2.750.000.000 đồng *(1/2 giá trị quyền sử dụng đất)* + 690.073.000 đồng *(phần di sản nhận thừa kế của bà T3)* = 3.440.073.000 đồng. Suất của 01 người thừa kế theo pháp luật là: 3.440.073.000 đồng : 4 = 860.018.000 đồng (đã làm tròn).

Bà H được nhận di sản ông T2 để lại bằng 2/3 suất của người thừa kế theo pháp luật là 573.345.000 đồng (đã làm tròn).

Theo di chúc, ông Đinh Công T2 đã định đoạt di sản của mình (tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT) cho ông Đinh Công T, nên ông T được hưởng toàn bộ phần di sản ông T2 để lại tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 là 2.866.727.000 đồng (đã làm tròn).

[5.2] Tại thửa đất 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5 m^2 tọa lạc tại 01 ĐT, phường TH, thành phố BT.

Di sản của bà Đinh Thị T3 là 750.000.000 đồng, chia cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T3 là: Ông Đinh Công T2, bà Đinh Thị Hồng H1, ông Đinh Công T và bà Đinh Thị Hồng D mỗi người được hưởng 187.500.000 đồng.

Di sản của ông Đinh Công T2 là 750.000.000 đồng + 187.500.000 đồng *(phần di sản được nhận thừa kế của bà T3)* + 20.764.000 *(1/2 giá trị nhà xây cấp 4)* = 958.264.000 đồng. Suất của 01 người thừa kế theo pháp luật là 958.260.000 đồng : 4 = 239.565.000 đồng.

Bà H được nhận di sản ông T2 để lại bằng 2/3 suất của người thừa kế theo pháp luật là 159.710.000 đồng (đã làm tròn).

Theo di chúc, ông Đinh Công T2 đã định đoạt di sản của mình tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02 cho bà Đinh Thị Hồng H1 và bà Đinh Thị Hồng D nên bà H1, bà D được hưởng phần di sản ông T2 còn lại: 958.264.000 đồng - 159.710.000 đồng *(phần bà H được nhận)* = 798.554.000 đồng. Mỗi người được hưởng 399.277.000 đồng.

Phần di sản thừa kế bà D được chia là 1.089.348.000 đồng, bà D tự nguyện tặng cho bà H nên cần công nhận.

[6] Về việc giao quản lý, sử dụng tài sản: Cấp sơ thẩm giao cho ông Đinh Công T quản lý, sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 cùng toàn bộ tài sản trên đất; giao cho bà Lê Thị H quản lý, sử dụng thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 cùng toàn bộ tài sản trên đất là phù hợp. Người được giao quản lý, sử dụng di sản có nghĩa vụ thanh toán phần di sản thừa kế cho những người được nhận thừa kế, cụ thể như sau:

[6.1] Ông Đinh Công T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền: 573.345.000đồng *(phần di sản bà H được nhận khi chia thừa kế là Thửa đất số 68)* + 690.073.000 đồng *(Phần di sản bà D được nhận khi chia thừa kế là Thửa đất số 68 nhưng cho bà H)* + 5.000.000 đồng *(số tiền bà H sơn sửa nhà)* = 1.268.418.000 đồng.

[6.2] Ông Đinh Công T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị Hồng H1 số tiền: 690.073.000 đồng *(Phần di sản bà H1 được nhận khi chia thừa kế là Thửa đất số 68)*.

[6.3] Bà Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Công T số tiền 187.500.000 đồng *(phần di sản ông T được nhận khi chia thừa kế là Thửa đất số 92)*. Khấu trừ nghĩa vụ giữa ông T và bà H, ông T còn phải thanh toán cho bà H số tiền 1.080.918.000 đồng.

[6.4] Bà Lê Thị H phải thanh toán cho bà Đinh Thị Hồng H1 số tiền: 399.277.000 đồng *(phần di sản bà H1 được nhận thừa kế của ông T2)* + 187.500.000đồng *(phần di sản bà H1 được nhận thừa kế của bà T3)* = 586.777.000 đồng.

[7] Đối với yêu cầu của ông Đinh Công T buộc bà Lê Thị H giao GCNQSDĐ của thửa đất 68, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại 01 ĐT, phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk: Bà H thừa nhận đang giữ 02 GCNQSDĐ bản chính nêu trên, bà H cũng đồng ý trả lại GCNQSDĐ khi vụ án được giải quyết xong nên cấp sơ thẩm buộc bà Lê Thị H giao GCNQSDĐ của thửa đất 68, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT cho ông Đinh Công T là có căn cứ.

[8] Đối với yêu cầu của ông T về việc kiến nghị UBND thành phố BT thu hồi 02 GCNQSDĐ nêu trên để cấp lại theo di chúc do ông Đinh Công T2 lập. Xét thấy, đây không phải là yêu cầu về dân sự, 02 GCNQSDĐ nêu trên được cấp đúng quy định của pháp luật, các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước để điều chỉnh, biến động sang tên mình theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[9] Cấp sơ thẩm xác định yêu cầu của ông Đinh Công T về việc công nhận di chúc do ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009 có hiệu lực pháp luật là yêu cầu phản

tố là không đúng quy định của pháp luật mà chỉ là ý kiến phản đối, bởi bà Lê Thị H đã có yêu cầu khởi kiện đề nghị tuyên bản di chúc do ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009 vô hiệu, nên trong trường hợp Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H thì bản di chúc đương nhiên có hiệu lực pháp luật.

[10] Đối với yêu cầu chia tài sản là thửa đất số 140A, tờ bản đồ số 23, diện tích 102,5m^2 được UBND thành phố BT cấp GCNQSD đất số H 00691 ngày 25/5/2007 đứng tên Hộ bà Lê Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với tài sản này, bị đơn và những người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với tài sản này là có căn cứ.

[11] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H, không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Công T, sửa án sơ thẩm theo hướng đã phân tích nêu trên.

[12] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được tính lại theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, mỗi đương sự phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia, được hưởng. Cụ thể:

- Ông Đinh Công T phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia 2.866.727.000 đồng như sau: 72.000.000 đồng + 2% (2.866.727.000 đồng - 2.000.000.000 đồng) = 89.334.000 đồng.

- Bà Đinh Thị Hồng H1 phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia 1.276.850.000 đồng như sau: 36.000.000 đồng + 3% (1.276.848.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 50.305.500 đồng.

- Bà Lê Thị H là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[13] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đinh Công T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của bà Lê Thị H; Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đinh Công T. Sửa bản án Dân sự sơ thẩm số 165/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng các Điều 210; 609; 611; 612; 613; 623; 624; 630; 644; 645; 649; 650; 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

[1.1] Tuyên bố 02 bản di chúc do ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009 được Uỷ ban nhân dân phường TH, thành phố BT chứng thực ngày 09/4/2009 vô hiệu một phần.

[1.2] Xác định tài sản chung của ông Đinh Công T2 và bà Lê Thị H gồm có: 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 91,8m^2 móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền láng xi măng, trần đóng nhựa, mái lợp tôn thiếc trên thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, được UBND thành phố BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 424081 ngày 18/5/2005 đứng tên hộ ông Đinh Công T2 trị giá 41.529.096 đồng và 10.000.000 đồng tiền cải tạo, sửa chữa căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 được UBND thành phố BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 424485 ngày 27/6/2005. Tổng giá trị tài sản chung là 51.529.096 đồng. Chia đôi ông Đinh Công T2 và bà Lê Thị H mỗi người được hưởng 25.764.548 đồng.

[1.3] Xác định tài sản chung của ông Đinh Công T2 và bà Đinh Thị T3 gồm có:

- Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 được UBND thành phố BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 424485 ngày 27/6/2005 trị giá 5.500.000.000 đồng và 20.584.000 đồng giá trị còn lại của căn nhà xây cấp 4 diện tích 46,13m^2.

- Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được UBND thành phố BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 424081 ngày 18/5/2005 đứng tên hộ ông Đinh Công T2 trị giá 1.500.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 7.020.584.000 đồng. Ông Đinh Công T2 và bà Đinh Thị T3 mỗi người được chia trị giá 3.510.292.000 đồng.

[1.4] Xác định di sản thừa kế của bà Đinh Thị T3 tại Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT là 2.760.292.000 đồng. Chia cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T3 là: Ông Đinh Công T2, bà Đinh Thị Hồng H1, ông Đinh Công T và bà Đinh Thị Hồng D mỗi người được hưởng kỷ phần bằng nhau là 690.073.000 đồng.

[1.5] Xác định Di sản thừa kế của ông Đinh Công T2 tại Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT là: 3.440.073.000 đồng. Chia cho bà H được hưởng di sản ông T2 để lại là 573.345.500 đồng.

[1.6] Xác định Di sản thừa kế của bà Đinh Thị T3 tại Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại 01 ĐT, phường TH, thành phố BT là 750.000.000 đồng, chia cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T3 là: Ông Đinh Công T2, bà Đinh Thị Hồng H1, ông Đinh Công T và bà Đinh Thị Hồng D mỗi người được hưởng kỷ phần bằng nhau là 187.500.000 đồng.

[1.7] Xác định Di sản của ông Đinh Công T2 tại Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại 01 ĐT, phường TH, thành phố BT là 958.260.000 đồng. Chia cho bà Lê Thị H được hưởng di sản ông T2 là 159.710.000 đồng.

[1.8] Công nhận một phần nội dung di chúc ông Đinh Công T2 lập ngày 05/4/2009 – được UBND phường TH, thành phố BT chứng thực ngày 09/4/2009 có hiệu lực. Ông Đinh Công T được hưởng phần di sản của ông Đinh Công T2 trị giá 2.866.727.000 đồng. Bà Đinh Thị Hồng H1 và bà Đinh Thị Hồng D được hưởng di sản ông T2 trị giá 798.554.000 đồng. Mỗi người được nhận kỷ phần bằng nhau là

399.277.000 đồng.

[1.9] Công nhận việc bà Đinh Thị Hồng D tặng cho bà Lê Thị H toàn bộ phần di sản thừa kế của bà T3 và ông T2 mà bà D được chia với số tiền 1.089.348.000 đồng.

[1.10] Giao cho ông Đinh Công T quản lý, sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 được UBND thành phố BT cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 424485 ngày 27/6/2005 cho hộ ông Đinh Công T2, trên đất có 01 nhà xây cấp 4 diện tích 46,13m^2 móng xây đá hộc, tường xây gạch nền 01 phần láng xi măng và 01 phần lát gạch ceramic, trần đóng nhựa, mái lợp tôn thiếc có sênô mặt đứng và 01 căn nhà hai tầng. Tứ cận: Phía Đông giáp thửa 67; Phía Tây giáp thửa 69; Phía Nam giáp thửa 92; Phía Bắc giáp đường MHĐ.

[1.11] Giao cho bà Lê Thị H quản lý, sử dụng thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được UBND thành phố BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 424081 ngày 18/5/2005 cho hộ ông Đinh Công T2, tại địa chỉ: Số 01 ĐT, phường TH, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk. Tài sản trên đất là 01 nhà xây cấp 4, diện tích 91,8m^2 móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền láng xi măng, trần đóng nhựa, mái lợp tôn thiếc. Tứ cận: Phía Đông giáp thửa 67; Phía Tây giáp đường ĐT; Phía Nam giáp đường hẻm; Phía Bắc giáp thửa 158.

[1.12] Ông Đinh Công T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị H số tiền: 1.080.918.000 đồng *(Một tỷ không trăm tám mươi triệu chín trăm mười tám nghìn đồng)*.

[1.13] Ông Đinh Công T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị Hồng H1 số tiền: 690.073.000 đồng *(Sáu trăm chín mươi triệu không trăm bảy ba nghìn đồng)*.

[1.14] Bà Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị Hồng H1 số tiền: 586.777.000 đồng *(Năm tám mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Đinh Công T. Buộc bà Lê Thị H giao cho ông Đinh Công T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 424485 do UBND thành phố BT cấp ngày 27/6/2005 cho hộ ông Đinh Công T2, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại 133 MHĐ, phường TH, thành phố BT.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên mình.

[3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về yêu cầu chia tài sản chung với ông Đinh Công T2 là ½ quyền sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02, diện tích 153,7m^2 được UBND thành phố BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 424485 ngày 27/6/2005 cho hộ ông Đinh Công T2 và ½ quyền sử dụng thửa đất số 92, tờ bản đồ số 02, diện tích 75,5m^2 được UBND thành phố BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 424081 ngày 18/5/2005 cho hộ ông Đinh Công T2 và yêu cầu ông Đinh Công T trả 200.000.000 đồng tiền góp xây căn nhà hai tầng trên thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại số 133 đường MHĐ, thành

phố BT.

[4] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Lê Thị H về việc chia tài sản là thửa đất số 140A, tờ bản đồ số 23, diện tích 102,5m^2 được UBND thành phố BT cấp Giấy CNQSD đất số H 00691 ngày 25/5/2007 đứng tên Hộ bà Lê Thị H.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá: Nguyên đơn bà Lê Thị H tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 6.200.000đồng (đã nộp và chi phí xong).

[6] Về án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đinh Công T phải chịu 89.334.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018760 ngày 24/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT (Do ông Hoàng Ngọc T1 nộp thay).

- Bà Đinh Thị Hồng H1 phải chịu 50.305.500 đồng án phí.

[7] Về án phí phúc thẩm:

Ông Đinh Công T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021704 ngày 04/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND Tp Buôn Ma Thuột;*
- *Chi cục THADS Tp BT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lưu Thị Thu Hường